BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN THỐNG NHẤT - TỈNH ĐỒNG NAI

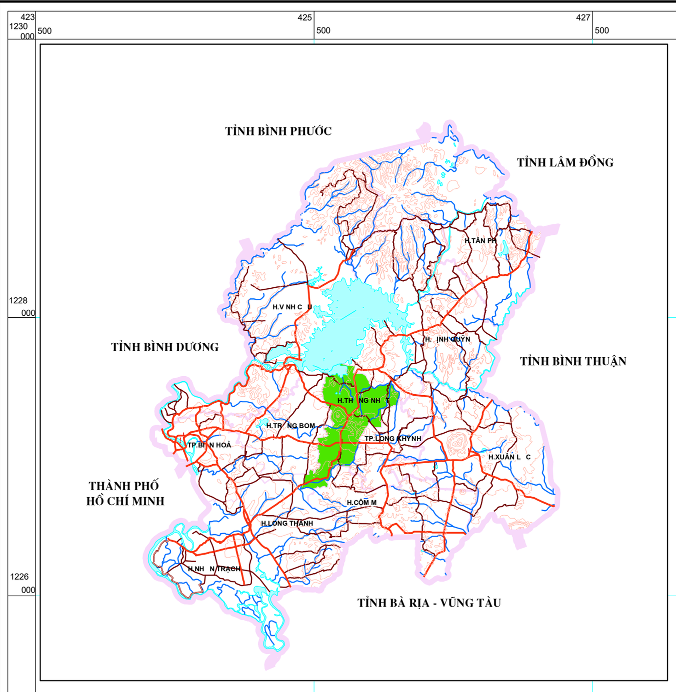

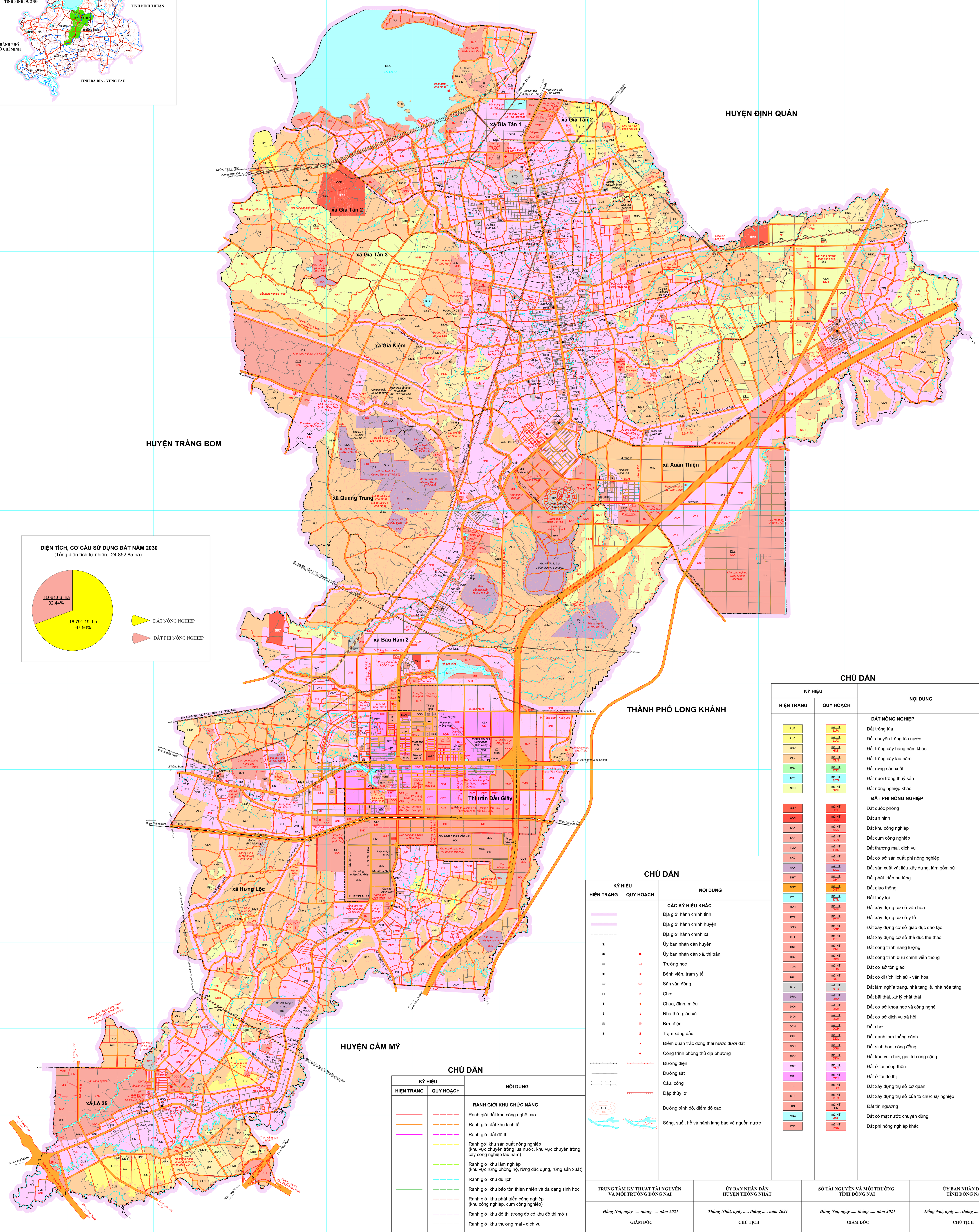

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	NỘI DUNG
		RANH GIỚI KHU CHỨC NĂNG
		Ranh giới đất khu công nghệ cao
		Ranh giới đất khu kinh tế
		Ranh giới đất đô thị
		Ranh gới khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)
		Ranh giới khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)
		Ranh giới khu du lịch
		Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
		Ranh giới khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
		Ranh giới khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)
		Ranh giới khu thương mại - dịch vụ
		Ranh giới khu đô thị - thương mại - dịch vụ
		Ranh giới khu dân cư nông thôn
		Ranh giới khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	NỘI DUNG
		CÁC KÝ HIỆU KHÁC
		Địa giới hành chính tỉnh
		Địa giới hành chính huyện
		Địa giới hành chính xã
		Ủy ban nhân dân huyện
		Ủy ban nhân dân xã, thị trấn
		Trường học
		Bệnh viện, trạm y tế
		Sân vận động
		Chợ
		Chùa, đình, miếu
		Nhà thờ, giáo xứ
		Bưu điện
		Trạm xăng dầu
		Điểm quan trắc động thái nước dưới đất
		Công trình phòng thủ địa phương
		Đường điện
		Đường sắt
		Cầu, cống
		Đập thủy lợi
134,5		Đường bình độ, điểm độ cao
		Sông, suối, hồ và hành lang bảo vệ nguồn nước

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	NỘI DUNG
		ĐẤT NÔNG NGHIỆP
LUA	mã HT LUA	Đất trồng lúa
LUC	mã HT LUC	Đất chuyên trồng lúa nước
HNK	mã HT HNK	Đất trồng cây hàng năm khác
CLN	mã HT CLN	Đất trồng cây lâu năm
RSX	mã HT RSX	Đất rừng sản xuất
NTS	mã HT NTS	Đất nuôi trồng thuỷ sản
NKH	mã HT NKH	Đất nông nghiệp khác
		ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
CQP	mã HT CQP	Đất quốc phòng
CAN	mã HT CAN	Đất an ninh
SKK	mã HT SKK	Đất khu công nghiệp
SKN	mã HT SKN	Đất cụm công nghiệp
TMD	mã HT TMD	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	mã HT SKC	Đất cở sở sản xuất phi nông nghiệp
SKX	mã HT SKX	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm gốm sứ
DHT	mã HT DHT	Đất phát triển hạ tầng
DGT	mã HT DGT	Đất giao thông
DTL	mã HT DTL	Đất thủy lợi
DVH	mã HT DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DYT	mã HT DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	mã HT DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo
DTT	mã HT DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao
DNL	mã HT DNL	Đất công trình năng lượng
DBV	mã HT DBV	Đất công trình bưu chính viễn thông
TON	mã HT TON	Đất cơ sở tôn giáo
DDT	mã HT DDT	Đất có di tích lịch sử - văn hóa
NTD	mã HT NTD	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
DRA	mã HT DRA	Đất bãi thải, xử lý chất thải
DKH	mã HT DKH	Đất cơ sở khoa học và công nghệ
DXH	mã HT DXH	Đất cơ sở dịch vụ xã hội
DCH	mã HT DCH	Đất chợ
DDL	mã HT DDL	Đất danh lam thắng cảnh
DSH	mã HT DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng
DKV	mã HT DKV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng
ONT	mã HT ONT	Đất ở tại nông thôn
ODT	mã HT ODT	Đất ở tại đô thị
TSC	mã HT TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DTS	mã HT DTS	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp
TIN	mã HT TIN	Đất tín ngưỡng
MNC	mã HT MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng
PNK	mã HT PNK	Đất phi nông nghiệp khác

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2021	*Thống Nhất, ngày ..... tháng ..... năm 2021*	*Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2021*	*Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2021*
GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH
LÊ VĂN TÂN			

Bản đồ được thành lập bằng công nghệ bản đồ số, hệ VN-2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°

NGUỒN TÀI LIỆU CHÍNH:

- Bản đồ địa giới hành chính thực hiện theo dự án 513;
- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000 hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Thống Nhất;
- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thống Nhất tỷ lệ 1:25.000 thành lập năm 2017.

TỶ LỆ 1 : 25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai